

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Thôn T, xã I, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn S tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, thành phố K vào ngày 13/5/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với mẹ chồng tại xã I, thành phố K. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu cũng không có hạnh phúc do hai bên bất đồng về quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã. Anh Lê Văn S không có trách nhiệm với vợ con, đánh đập chị H. Khi chị H sinh con được hơn 02 tuổi, do mâu thuẫn quá trầm trọng, nên chị H đã đưa con về nhà cha mẹ đẻ ở tỉnh Bình Phước sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Đến năm 2022, do con chị muốn nhận lại bố và gia đình anh S đã khuyên chị H quay về để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nên chị quay trở về Kon Tum, nhưng chỉ được 02 tháng, chị H đã đưa con về nhà cha mẹ đẻ. Vợ chồng đã

sống ly thân 6 năm, không còn quan tâm gì đến nhau. Tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu ly hôn anh Lê Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 14/9/2014. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai.

Bị đơn anh Lê Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn S. Về con chung: Giao con chung Lê Anh T, sinh ngày 14/9/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụng tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi giải quyết ly hôn anh Lê Văn S có nơi cư trú tại thôn T, xã I, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Anh Lê Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng anh S vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015(Sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Văn S.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn S tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, thành phố K vào ngày 13/5/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H ở chung với mẹ chồng tại xã I, thành phố K. Theo chị H trình bày, cuộc sống vợ chồng khi chung sống đã không có hạnh phúc do hai bên bất đồng về quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã. Anh Lê Văn S không có trách nhiệm với vợ con, đánh đập chị H, nên chị H đã đưa con về nhà cha mẹ để ở tỉnh Bình Phước sinh sống khi con chung mới được 02 tuổi. Vợ chồng đã sống ly thân 6 năm, không còn quan tâm đến nhau.

Tòa án đã tiến hành xác minh, gia đình anh S cho biết vợ chồng chị H và anh S chung sống với nhau thường xuyên xảy ra cãi vã, chị H đã đưa con về nhà cha mẹ để sinh sống khi con chung được 03 tuổi, vợ chồng đã sống ly thân, không còn hệ tình cảm. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị H và anh S đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 14/9/2014. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lê Anh Thư T1 khi sinh ra đều do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Nguyên vọng của cháu muốn ở với chị H. Do vậy, cần giao cháu Lê Anh T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề cập đến.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của

Bộ luật Tố tụng dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn S.

- *Về con chung:* Giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 14/9/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Anh T đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn S chưa phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Lê Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000603 ngày 24/6/2025 của của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Quảng Ngãi). Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24/9/2025) chị Nguyễn Thị H có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 7- Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV7 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

